

BÁO CÁO

sơ kết tình hình và kết quả 2 năm (2012 - 2014) thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”

Phần một TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

I. Những thuận lợi và khó khăn của địa phương

1. Thuận lợi:

- Các cấp, các ngành đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đã coi ứng dụng và phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh nhà phát triển.

- Bình Thuận là một tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế so sánh, có nhiều sản phẩm lợi thế (thanh long, nước mắm Phan Thiết, nước suối Vĩnh Hảo...), điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù,...tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển KH&CN.

- Có một số Trung tâm, trang trại, đơn vị sự nghiệp nghiên cứu KH&CN cùng với đội ngũ trí thức năng động, sáng tạo, nhiệt tình nghiên cứu KH&CN.

2. Khó khăn:

- Nguồn lực của tỉnh đầu tư cho KH&CN tuy có được quan tâm hơn nhưng vẫn còn thấp; hiệu quả hoạt động KH&CN nhìn chung chưa cao, tính liên kết mang tính vùng, miền chưa rõ.

- Lực lượng trí thức khoa học của tỉnh tuy khá đông về số lượng, nhưng chất lượng chưa cao; đời sống của phần đông trí thức còn khó khăn nên chưa toàn tâm, toàn ý cống hiến cho sự nghiệp KH&CN.

- Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi năm 2013) chậm ban hành nên ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.

II. Đánh giá kết quả thực hiện

1. Việc học tập và quán triệt Nghị quyết

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị mở rộng quán triệt Nghị quyết cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, các huyện, thị, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc; đồng thời, chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức quán triệt Nghị quyết trong ngành, địa phương mình. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hầu hết các địa phương và các sở ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể đã tổ chức quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, công chức, đảng viên, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang, các xã, phường, thị trấn. Qua quán triệt, đa số cán bộ, công chức, đảng viên, chiến sỹ, đoàn viên, hội viên và nhân dân có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trong hành động về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết

Sau khi có Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 14-NQ/TU, ngày 08/01/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XII) để thực hiện Nghị quyết.

Thực hiện Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3774/KH-UBND, ngày 23/9/2013.

3. Những kết quả cụ thể đạt được sau 2 năm ban hành Nghị quyết

3.1. Đánh giá thực hiện mục tiêu đạt được

Việc nghiên cứu, triển khai và ứng dụng những thành tựu KH&CN qua gần 02 năm đã có một số chuyển biến tích cực: Năm 2013, tổng số nhiệm vụ mới và chuyển tiếp là 27 nhiệm vụ (đề tài/dự án), hầu hết các nhiệm vụ trọng tâm đã thực hiện tốt theo kế hoạch, một số chỉ tiêu vượt kế hoạch. Năm 2014, triển khai 13 nhiệm vụ, trong đó, theo phương thức tuyển chọn là 9 nhiệm vụ và giao trực tiếp là 4 nhiệm vụ. Tổ chức nghiệm thu 09 nhiệm vụ cấp tỉnh và bàn giao các kết quả nghiên cứu cho các đơn vị trong tỉnh ứng dụng vào thực tế; những tháng cuối năm 2014, Sở KH&CN sẽ tiếp tục nghiệm thu 07 nhiệm vụ đã hết thời gian thực hiện.

Tiếp tục tăng cường hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đạt kết quả. Đã triển khai đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng

nhận “Thanh long Bình Thuận” tại 13 nước (Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Đài Loan, Hồng Kông, Indonesia); đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Nước mắm Phan Thiết” tại 3 nước (Hoa Kỳ, Thái Lan và Campuchia). Hoàn thành việc hướng dẫn 31/31 cơ quan hành chính xây dựng, chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 theo mô hình của Bộ KH&CN. Sở KH&CN phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền các quy định pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ (SHTT); đẩy mạnh kiểm tra hoạt động an toàn bức xạ hạt nhân tại các cơ sở khai thác, chế biến sa khoáng Titan-Zircon trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Thực hiện tốt mục tiêu của 4 Chương trình KH&CN tỉnh giai đoạn 2011-2015 (*Chương trình hỗ trợ xây dựng mạng lưới thông tin KH&CN và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN; Chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể về KH&CN; Chương trình thúc đẩy năng suất chất lượng và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hoá lợi thế của tỉnh; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ*); phối hợp với các sở, ngành và các địa phương tập huấn, chuyển giao các ứng dụng tiên bộ KH&CN cho các xã, địa phương xây dựng nông thôn mới. Hoạt động KH&CN ở các sở, ngành và địa phương tiếp tục được triển khai (các sở, ngành thực hiện 47 nhiệm vụ, các địa phương 23 nhiệm vụ).

3.2. Đánh giá việc thực hiện các giải pháp trong việc phát triển KH&CN của địa phương

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương, nhất là Sở KH&CN bám sát và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Chương trình hành động số 14-NQ/TU, ngày 08/01/2013 của Tỉnh uỷ và Kế hoạch số 3774/KH-UBND, ngày 23/9/2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh trong việc phát triển KH&CN tại địa phương.

3.3. Những kết quả cụ thể

3.3.1. Triển khai các định hướng nhiệm vụ KH&CN ưu tiên, một số kết quả nổi bật.

a. Lĩnh vực nông nghiệp:

- Đã triển khai khảo nghiệm và đưa giống, bộ gen cây trồng, vật nuôi có khả năng thích nghi biến đổi khí hậu:

+ Trung tâm nghiên cứu phát triển cây thanh long tiếp tục lưu giữ 34 dòng thanh long ruột đỏ nhằm bảo tồn nguồn gen thanh long và giống thanh long ruột đỏ Long Định 1 do Viện Cây ăn quả Miền Nam chuyển giao, bảo tồn 2 dòng thanh long ruột trắng Bình Thuận D2 và D10.

+ Trong vụ mùa 2013 và vụ đông xuân 2013 – 2014, Trung tâm giống cây trồng đã tổ chức khảo nghiệm các giống lúa (thuần) mới OM 4218, OM 7347, OM 6600, OM 6377 trên địa bàn các huyện Tân Linh, Hàm Thuận Nam và Hàm Thuận Bắc, đây là các giống do Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long lai tạo và chọn lọc. Qua kết quả khảo nghiệm sản xuất các giống lúa này đều cho năng suất khá cao, chất lượng gạo tốt, thích nghi với điều kiện canh tác của địa phương.

- Tập trung nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ thanh long, mủ cây trôm. Dự án “*Đầu tư trang thiết bị, chuyển giao công nghệ sản xuất kinh doanh các sản phẩm chế biến từ quả thanh long*” do Công ty TNHH Rồng Xanh chủ trì thực hiện với kinh phí là 23.578.728.080 đồng, trong đó, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách là 4.655.000.000 đồng. Đến nay, dự án đã sản xuất được các loại sản phẩm: nước ép thanh long - nha đam, nước ép thanh long – chanh, nước ép thanh long - dứa. Ngoài ra, Công ty đã sản xuất thêm sản phẩm nước mủ trôm.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 2471/QĐ-UBND, ngày 09/10/2013 về các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2014 - 2020. Tiếp tục triển khai nhiều đề tài dự án ứng dụng công nghệ và mô hình tưới tiết kiệm nước phục vụ trồng trọt, mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phục vụ cho các xã nông thôn mới.

b. Lĩnh vực công nghiệp và ứng dụng công nghệ tiên tiến:

- Lĩnh vực công nghiệp:

+ Triển khai các dự án điện gió và thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 15 dự án điện gió với tổng công suất đăng ký đầu tư lắp đặt khoảng 1.182 MW. Đến nay, dự án Phong điện 1-Bình Thuận (giai đoạn 1: 30MW) và dự án điện gió Phú Quý (6MW) đã đưa vào vận hành.

- Lĩnh vực công nghệ thông tin:

+ Đã công bố quy hoạch Bru chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đã triển khai thực hiện đề án Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (công nghệ GIS) chung toàn tỉnh phục vụ quản lý hành chính nhà nước và hỗ trợ các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội: đưa vào sử dụng phần mềm WebGIS phục vụ giới thiệu quảng bá và quản lý hạ tầng Du lịch; đưa vào sử dụng đề tài xây dựng hệ thống quản lý và cấp phép khai thác tài nguyên nước theo công nghệ GIS... Thực hiện đầu tư xây dựng và

cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến cấp độ 3, 4 theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- *Lĩnh vực xây dựng*: Đã triển khai tập huấn về sử dụng vật liệu xây không nung cho các chủ thể hoạt động xây dựng. Triển khai sử dụng khảo sát đo đạc địa hình bằng máy đo điện tử; phát triển công nghệ GIS trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị, đảm bảo kiểm soát các hoạt động xây dựng của đô thị. Sử dụng các thiết bị thí nghiệm hiện đại (máy siêu âm cốt thép, bê tông, đo độ mặn trong cát, đo cường độ BT và gạch...) để kiểm định chất lượng vật liệu và xây dựng công trình.

- *Lĩnh vực giao thông vận tải*: Ứng dụng, phổ biến công nghệ vật liệu mới Carboncor Asphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường. Triển khai, cập nhật giải pháp khoa học mới về công nghệ thông tin (GIS) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu, nâng cao hiệu quả việc quản lý mạng lưới giao thông các đường tỉnh.

- *Lĩnh vực dịch vụ du lịch*: Triển khai 02 Đề tài: “*Du lịch cộng đồng tỉnh Bình Thuận, mô hình và giải pháp phát triển trong giai đoạn tới*” do Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch (VHTT&DL) chủ trì và Đề tài “*Nghiên cứu sản xuất sản phẩm lưu niệm đặc trưng của tỉnh Bình Thuận phục vụ du lịch*” do Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận chủ trì.

- *Lĩnh vực văn hóa xã hội*: Thực hiện 02 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn về gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể: Đề tài “*Nghiên cứu luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống văn hóa cơ sở tỉnh Bình Thuận*” do Bảo tàng Bình Thuận chủ trì nhằm giúp cơ quan quản lý tham khảo trong việc xây dựng pháp luật về chính sách dân tộc. Đề tài “*Sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị loại hình hát ngâm “Hari” của tộc người Raglai tỉnh Bình Thuận*” do Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á - Trường Đại học Khoa học xã hội & nhân văn thành phố Hồ Chí Minh chủ trì.

- *Lĩnh vực y tế*: Triển khai Dự án “Xây dựng phần mềm báo cáo thống kê Y tế” thực hiện từ năm 2013-2014. Đến nay, phần mềm đang vận hành thử nghiệm. Ngành y tế đang tiếp tục triển khai các đề tài khoa học cơ sở phục vụ cho công tác chuyên môn. Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã hỗ trợ triển khai phần mềm quản lý khám bệnh và điều trị tại các bệnh viện Nam Bình Thuận, Tánh Linh, Hàm Thuận Nam và Phan Thiết.

- *Lĩnh vực giáo dục*: Tiếp tục thực hiện Đề tài “*Khảo sát, đánh giá, xây dựng chất lượng đội ngũ giáo viên THPT*” của Sở Giáo dục & Đào tạo. Hầu hết

giáo viên đều ứng dụng CNTT như soạn giáo án điện tử, truy cập Internet tìm tài liệu tham khảo, nhập và quản lý điểm bằng chương trình SMAS, V.EMIS. Hiện nay, việc triển khai giảng dạy theo phương pháp “sơ đồ tư duy” được giáo viên sử dụng khá phổ biến.

- *Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:*

+ Năm 2014, Sở Tài nguyên & Môi trường triển khai các dự án như: “Điều tra đánh giá ô nhiễm môi trường nước sông Giêng, sông Dinh, đề xuất bảo vệ khai thác tại lưu vực”, dự án “Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước lưu vực sông La Ngà”, dự án “Điều tra, đánh giá, phân loại các nguồn gây ô nhiễm và đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước lưu vực sông La Ngà” và dự án “Khảo sát, đánh giá các tác động do hoạt động khai thác titan-zircon đến môi trường và đời sống người dân tại khu vực Long Sơn - Suối nước”.

+ Khuyến khích các cơ sở sản xuất (CSSX), các doanh nghiệp (DN), các tổ chức, cá nhân áp dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm, tái sử dụng và tái chế chất thải, quan tâm đến các giải pháp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường, tham gia nghiên cứu KH&CN phục vụ công tác bảo vệ môi trường (BVMT). Đa dạng hoá các loại hình công nghệ sử dụng và BVMT phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Tập trung xây dựng mô hình BVMT trong khu dân cư, trong đó tập trung chủ yếu vào các xã bị ô nhiễm và các xã điểm xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, Chi cục BVMT đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lớp tập huấn về chi phí BVMT đối với nước thải công nghiệp cho 110 CSSX; phối hợp với Sở VH TT & DL triển khai các quy định về BVMT trong hoạt động du lịch, lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích cho 150 các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

- Thực hiện 20 dự án theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND, ngày 19/6/2012 của UBND tỉnh, giai đoạn 2012-2015, trong đó gồm 8 dự án công trình và 12 dự án phi công trình. Hiện nay có 03 dự án phi công trình đã hoàn thành gồm: Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng đến huyện Phú Quý, từ đó đề xuất các biện pháp thích ứng; Xác định lựa chọn các biện pháp ứng phó và phòng ngừa BĐKH trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch ứng phó với BĐKH cho ngành nông, lâm, thủy hải sản của tỉnh.

3.3.2. Phát triển năng lực khoa học - công nghệ gắn với phát triển thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Sở KH&CN đang hoàn chỉnh hồ sơ Dự án đã được UBND tỉnh cho chủ trương triển khai “*Nâng cao năng lực Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHCN Bình Thuận*”. Đang xây dựng hồ sơ Dự án Khu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất sản phẩm theo hướng hàng hóa để trình UBND tỉnh.

- Sở NN&PTNT đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp Miền Nam hoàn chỉnh Đề án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Thuận đến năm 2020, đang trình UBND tỉnh. Trung tâm nghiên cứu phát triển cây thanh long được tỉnh giao sử dụng 52 ha tại Trạm thực nghiệm thanh long Hàm Minh - Hàm Thuận Nam. Hiện nay, Trung tâm đã phối hợp với DNTN rau quả Bình Thuận trồng được 18 ha (năm thứ 2) sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP và 5 ha phục vụ công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, thực nghiệm trên cây thanh long.

- Sở GD&ĐT và các trường: Cao đẳng Cộng đồng, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng nghề đã tổ chức rà soát để đánh giá thực trạng các phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thực hành của các trường, cơ sở giáo dục. Qua rà soát, hầu hết cơ sở vật chất còn thiếu so với chuẩn, nhiều phòng thực hành phải sử dụng lồng ghép; hầu hết các phòng thí nghiệm thực hành không đảm bảo kích thước, chưa có giáo viên chuyên trách làm công tác thiết bị, một số nơi phòng thí nghiệm thực hành xuống cấp... nhóm học sinh thực tập quá đông ảnh hưởng không ít đến kết quả và chất lượng đào tạo. Hiện nay, sở và các trường đã có kế hoạch xây dựng đầu tư bổ sung.

- Tỉnh Bình Thuận đang tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài bằng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND, ngày 05/4/2007 của UBND tỉnh (gọi tắt Đề án 100). Đến nay, số người hoàn thành chương trình thạc sỹ là 25 và được UBND tỉnh phân công tại các cơ quan trong tỉnh. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND, ngày 20/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Đề án đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học ở nước ngoài giai đoạn 2007-2013, Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND, ngày 21/10/2013 về việc quy định chính sách trợ cấp kinh phí đối với người được cử đi theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học ở nước ngoài giai đoạn 2007-2015 của tỉnh.

- Sở Y tế triển khai Đề án cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh (gọi tắt Đề án 1816). Bệnh viện Nhi Đồng II chuyển giao cho Khoa Nhi - Bệnh viện Đa khoa tỉnh các kỹ thuật: đặt Catheter TM trung tâm, TM rốn; Đo huyết áp động mạch xâm lấn. Bệnh viện Thống Nhất thành phố Hồ Chí Minh

chuyên giao cho các khoa Ngoại, Tai Mũi họng, Chân đoán hình ảnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh các kỹ thuật: Phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo, Nội soi TMH, kỹ thuật đọc MRI, CT, Scanner. Bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh chuyên giao cho Trung tâm Da liễu tỉnh các kỹ thuật: Phẫu thuật phục hồi chức năng bệnh nhân phong; kỹ thuật chăm sóc da, thẩm mỹ bằng Laser.

3.3.3. Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động KH&CN

- Năm 2013, Sở KH&CN bắt đầu thực hiện thống kê KH&CN. Đến nay, thực hiện 02 cuộc thống kê về chế độ báo cáo thống kê KH&CN cho Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận cho 36 đơn vị thuộc đối tượng thống kê gồm: 16 đơn vị hành chính, 06 đơn vị nghiên cứu, 03 trường cao đẳng, đại học, 09 đơn vị dịch vụ KH&CN và 02 doanh nghiệp.

- Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ, tạo điều kiện để các tổ chức KH&CN được vay vốn từ các quỹ phát triển KH&CN hoặc các tổ chức tín dụng khác. Hiện nay, toàn tỉnh chỉ có 1 đơn vị Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KH&CN thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP. Sở Tài chính cũng đã phối hợp cùng Sở KH&CN, Cục thuế tỉnh ban hành công văn liên sở số 05/HD-TC-KHCN-CT ngày 02/01/2014 về việc hướng dẫn thành lập, quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để hướng dẫn cho các doanh nghiệp thực hiện.

- Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật tỉnh (Liên hiệp Hội) tập hợp ngày càng nhiều trí thức có nhiều kinh nghiệm gắn bó với Liên hiệp Hội thông qua hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Hoàn thành phản biện 11 chương trình, đề án. Đã phối hợp tổ chức được 20 hội thảo khoa học, qua đó chọn các chuyên đề bức xúc, đòi hỏi của người sản xuất; các kiến nghị của các nhà khoa học và người sản xuất được Liên hiệp Hội báo cáo UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan để có hướng giải quyết. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2653/QĐ-UBND, ngày 28/10/2013 về phê duyệt Đề án phát triển thông tin phổ biến kiến thức KH&CN của Liên hiệp Hội giai đoạn 2014-2020, hiện Liên hiệp Hội đang triển khai thực hiện. Đặc biệt, Liên hiệp Hội đã tập hợp được cả những người không công tác trong các cơ quan nhà nước (có cả công nhân, nông dân, thợ máy...) tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bình Thuận lần thứ V; đang chuẩn bị các bước để tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bình Thuận lần thứ VI. Ngoài ra, Liên hiệp Hội còn phối hợp với sở KH&CN xuất bản tạp chí

Khoa học - Công nghệ hàng quý, xây dựng website Liên hiệp Hội, phối hợp Báo Bình Thuận, Đài PTTH tỉnh đưa tin về KH&CN.

4. Ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân

4.1. Ưu điểm:

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3774-KH/UBND của UBND tỉnh, các ngành, các địa phương đã tăng cường lãnh đạo, quản lý hoạt động KH&CN, xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN, xem đây là một nội dung quan trọng của kế hoạch phát triển ngành, địa phương mình, triển khai thực hiện nghiêm túc 4 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch 3774-KH/UBND của UBND tỉnh.

- Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án được đưa vào ứng dụng nhiều hơn, mang lại kết quả thiết thực; việc ứng dụng thành tựu KH&CN ngày càng rộng rãi trong thực tiễn, nhất là các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục; nguồn lực đầu tư cho KH&CN ngày càng nhiều hơn; đội ngũ cán bộ làm công tác KH&CN ngày càng trưởng thành; hoạt động KH&CN trong các trường học, đơn vị sự nghiệp từng bước đổi mới; quản lý nhà nước về KH&CN có tiến bộ hơn.

- Các sở, ban, ngành và các địa phương đã quan tâm thúc đẩy hoạt động KH&CN thông qua các nhiệm vụ KH&CN. Số lượng nhiệm vụ KH&CN thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh và kinh phí khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước tăng lên hàng năm.

- Xã hội hoá trong hoạt động KH&CN bước đầu được đẩy mạnh trong các doanh nghiệp so với trước đây. Các cơ sở giáo dục, y tế tư nhân đã quan tâm đầu tư trang thiết bị để phục vụ giảng dạy và khám chữa bệnh.

- Hoạt động thông kê KH&CN, hướng dẫn thành lập quỹ phát triển DN, chứng nhận và nộp lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng một phần ngân sách nhà nước, toàn bộ ngân sách nhà nước được triển khai có hiệu quả.

4.2. Khuyết điểm, hạn chế:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN bố trí hàng năm thấp nên ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN. Kinh phí thiếu, lại phải tạm dừng vì thực hiện chủ trương chung của Chính phủ và của tỉnh về việc điều hành ngân sách nhà nước năm 2013 nên có 6 nhiệm vụ KH&CN trong năm 2013 phải chuyển sang năm 2014 thực hiện.

- Thị trường KH&CN chưa được hình thành đầy đủ; hoạt động mua, bán thiết bị - công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN còn yếu. Khả năng sinh lợi của hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ còn thấp trong một số lĩnh vực. Sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước đối với nhu cầu phát triển thị trường KH&CN còn nhiều hạn chế, bất cập. Các giải pháp phát triển thị trường KH&CN còn nặng tính định hướng, chưa phát huy tác dụng trong thực tiễn.

- Thiếu cán bộ KH&CN đầu đàn giỏi, đặc biệt là thiếu cán bộ KH&CN trẻ, kế cận có trình độ cao. Cơ cấu nhân lực KH&CN theo ngành nghề và khu vực (nông thôn, thành thị) chưa hợp lý. Tiềm lực KH&CN của tỉnh tuy có tăng lên, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của tỉnh; một số đơn vị sự nghiệp KH&CN đã được hình thành (Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Tin học, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường...), cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường, nguồn nhân lực được bổ sung, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Chưa chủ động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN, do năng lực KH&CN của địa phương chưa đủ mạnh. Chưa hình thành được Doanh nghiệp KH&CN tại địa phương do năng lực KH&CN của các DN còn hạn chế và các DN còn e dè trong việc chuyển đổi sang cơ chế mới.

- Một số đề tài, dự án KH&CN sau khi nghiên cứu mặc dù có địa chỉ ứng dụng nhưng gặp khó khăn trong triển khai. Nguyên nhân do thiếu kinh phí và nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện, dẫn đến kết quả nghiên cứu không phát huy được hiệu quả trong thực tiễn.

- Chưa thống kê được yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) để có thể đánh giá được tỷ trọng đóng góp của KH&CN trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, do Bộ KH&CN chưa hướng dẫn cách thống kê xác định chỉ số TFP hàng năm.

- Công tác quản lý nhà nước về KH&CN chưa chặt chẽ, chưa nắm bắt kịp thời những thông tin hoạt động KH&CN của các sở, ngành, các địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp. Công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN tuy đã có đổi mới, nhưng chưa khuyến khích được các tổ chức, các nhà khoa học có những sáng tạo và chuyển giao những tiến bộ KH&CN mới vào tỉnh. Công tác đăng ký, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN của một số ngành chưa đáp ứng, sát với nhu cầu thực tế. Quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN chưa chú trọng đến quản lý chất lượng sản phẩm đầu ra và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Các

nhiệm vụ KH&CN chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Mô hình tổ chức bộ máy tại Sở KH&CN chưa phù hợp: Hiện nay, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TCĐLCL) là đơn vị sự nghiệp nhưng lại là đơn vị trực thuộc Chi cục TCĐLCL - là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Chưa thành lập Phòng quản lý Khoa học cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN tại các sở, ngành trong tỉnh.

4.3. Nguyên nhân:

- Nhận thức và vai trò, trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền đối với nhiệm vụ phát triển KH&CN chưa đúng mức, nên công tác chỉ đạo, triển khai thiếu toàn diện, chưa sâu sát và cụ thể; vẫn còn một số ngành chưa đưa nhiệm vụ phát triển KH&CN vào chương trình, kế hoạch phát triển của ngành.

- Trình độ, năng lực và tính chủ động của cán bộ lãnh đạo ở một số nơi còn yếu làm hạn chế khả năng huy động tiềm lực của KH&CN; lúng túng trong tổ chức, điều hành thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, nhất là, trong việc duy trì, nhân rộng các mô hình dự án KH&CN; công tác quản lý KH&CN, nhất là đối với cấp cơ sở còn nhiều hạn chế.

- Chính sách đầu tư và cơ chế cấp phát tài chính cho KH&CN chưa tạo nhiều thuận lợi để phát huy nguồn lực, năng lực sáng tạo và đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn của các tổ chức hoạt động KH&CN và các nhà khoa học. Điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ KH&CN còn hạn chế; một bộ phận do đời sống còn nhiều khó khăn, nên chưa dành nhiều thời gian và trí lực để học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, tạo ra sản phẩm cụ thể phục vụ cho phát triển kinh tế và dân sinh.

- Cơ chế, chính sách xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức KH&CN địa phương chưa có tính tổng thể, sức thu hút và tính khuyến khích của chính sách đã ban hành chưa mạnh. Các văn bản quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được ban hành nhưng còn chậm, chưa đầy đủ, đồng bộ để đưa hoạt động KH&CN vào nền nếp, ổn định.

- Nguồn vốn cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN có tăng, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu, quy mô nghiên cứu, ứng dụng hiện nay, chủ yếu từ ngân sách nhà nước, chưa huy động được các nguồn đầu tư xã hội, nhất là từ khu vực doanh nghiệp. Xã hội hoá trong hoạt động KH&CN tuy có tăng nhưng còn hạn chế so với nguồn lực của tỉnh. Cơ chế tự chủ về tài chính của các tổ chức KH&CN chưa gắn liền với tự chủ về quản lý nhân lực nên hiệu quả còn thấp. Cơ sở vật

chất kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp và dịch vụ KH&CN tuy có quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu, hiệu quả hoạt động chưa cao.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục tập trung triển khai 4 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch 3774-KH/UBND của UBND tỉnh: (1) Triển khai các định hướng nhiệm vụ KH&CN ưu tiên; (2) Phát triển năng lực KH-CN gắn với phát triển thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động KH-CN; (4) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước về hoạt động KH-CN.

- Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên, đội ngũ trí thức, các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động KH&CN, cùng với Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Tạo lập và xây dựng cơ chế vận hành thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh. Hình thành thị trường lao động KH&CN thông qua việc áp dụng chế độ khuyến khích và ưu đãi, thực hiện chế độ biên chế linh hoạt để phát triển nguồn nhân lực cho KH&CN. Khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn về đầu tư và chuyển giao công nghệ gắn liền với dịch vụ tài chính - tín dụng, để đẩy nhanh và mở rộng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đổi mới và đưa nhanh các công nghệ hiện đại vào các ngành công nghiệp và dịch vụ của tỉnh.

- Có chính sách khuyến khích đầu tư cho hoạt động KH&CN; đặc biệt là chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các lĩnh vực mũi nhọn và trọng tâm của tỉnh. Cho phép các Doanh nghiệp có điều kiện khấu hao nhanh đối với các công nghệ thuộc hướng ưu tiên và trọng điểm của tỉnh, được sử dụng lợi nhuận trước thuế để chi cho các hoạt động đổi mới công nghệ, cấp kinh phí cho nghiên cứu, triển khai và thử nghiệm đổi mới sản phẩm.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các đơn vị hoạt động sự nghiệp KH&CN; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để phát triển doanh nghiệp KH&CN của địa phương. Ưu tiên đầu tư phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KH&CN theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, nhằm nâng cao năng lực của các tổ chức này trong việc nghiên cứu

phát triển công nghệ, tiếp nhận thích nghi công nghệ mới và tổ chức chuyên giao vào sản xuất và đời sống, phục vụ chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố, nhất là các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Đông Nam bộ; phối hợp với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng KH&CN trong nước để đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN; trong đó, ưu tiên các nhiệm vụ hợp tác về khảo sát đo đạc, nghiên cứu về thủy động lực học và mô hình kết cấu các công trình chống xói lở bờ biển.

- Đầu tư đúng mức cho việc hợp tác nghiên cứu - triển khai để thích ứng các công nghệ mới được nhập vào tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ KH&CN của tỉnh nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để nhanh chóng làm chủ công nghệ mới. Đẩy mạnh công tác ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN mới vào sản xuất, thông qua việc gắn kết chặt chẽ với hoạt động của hệ thống khuyến nông - lâm - ngư - công trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao tính chủ động của các ngành, các địa phương trong việc tham mưu đề xuất các nhiệm vụ KH&CN từ tỉnh đến cơ sở. Đồng thời, tiếp tục kiện toàn Hội đồng KH&CN của cấp mình; phấn đấu đến hết năm 2015, tất cả các ngành và các địa phương đều có Hội đồng KH&CN để xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ KH&CN có hiệu quả hàng năm.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến huyện, xã. Ở tỉnh, củng cố cơ quan chức năng để bảo đảm năng lực quản lý KH&CN trên địa bàn tỉnh, thành lập Phòng Quản lý khoa học cơ sở thuộc Sở KH&CN. Tại cấp huyện, bố trí từ 2 đến 3 chuyên viên quản lý KH&CN cho phòng chức năng; phấn đấu đến cuối năm 2015 tất cả 10 huyện, thị, thành phố đều có ít nhất một cán bộ chuyên trách (hiện nay mới chỉ có 3 huyện có cán bộ chuyên trách là Hàm Thuận Bắc, La Gi và Đức Linh). Tách các hoạt động dịch vụ và sự nghiệp KH&CN ra khỏi công tác quản lý nhà nước về KH&CN. Đề xuất UBND tỉnh thành lập Khu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất sản phẩm theo hướng hàng hóa nhằm tạo điều kiện cho các đề tài, dự án có địa điểm để sản xuất, ứng dụng.

Phần hai

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN KHOA HỌC PHỤC VỤ CÔNG TÁC THAM MƯU TẠI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

1. Nhận thức về tầm quan trọng của việc nghiên cứu các đề tài, đề án khoa học phục vụ công tác tham mưu của các cơ quan Đảng thuộc Tỉnh ủy

- Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát triển KH&CN và nhất là khi Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 14-NQ/TU, ngày 08/01/2013 về thực hiện NQTW6, nhận thức về việc nghiên cứu các đề tài, đề án của các cơ quan Đảng trong công tác tham mưu cấp ủy Đảng trực thuộc Tỉnh ủy có nhiều chuyển biến rõ nét. Các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy (gọi tắt là các cơ quan Đảng) đã tích cực nắm bắt, tiếp cận thông tin trên các phương tiện thông tin, trao đổi và thảo luận thông tin với các cơ quan làm công tác quản lý khoa học, nghiên cứu khoa học để chọn các đề tài sát hợp với thực tiễn.

- Một số cơ quan Đảng đã chủ trì thực hiện một số đề tài, đề án có tính chất nắm bắt các thông tin của dư luận xã hội; sử dụng phần mềm để ứng dụng trong công tác quản lý và đề ra những chủ trương, chính sách cần thiết cho công tác xây dựng Đảng. Hiện nay, các cơ quan Đảng đã bám sát các nội thông báo của cơ quan quản lý khoa học để đề xuất những ý tưởng mới, những nội dung có tính bức xúc nhất trong đời sống hàng ngày của nhân dân.

- Một số cán bộ, công chức làm công tác Đảng được mời tham gia làm thành viên Hội đồng tư vấn chuyên ngành các đề tài, dự án của Đảng; tham gia là thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh, Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài thuộc lĩnh vực KH&CN, công tác xây dựng Đảng, đã góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc nghiên cứu đề tài, đề án khoa học trong công tác tham mưu cho cấp ủy đảng.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan Đảng chưa dành nhiều thời gian thỏa đáng để nghiên cứu thực tế, yêu cầu công tác để đăng ký đề tài, đề án khoa học hàng năm; từ đó số đề tài, đề án đăng ký không nhiều.

2. Những phương pháp tổ chức đã tiến hành nghiên cứu các đề tài, đề án khoa học phục vụ công tác tham mưu của các cơ quan Đảng

- Các cơ quan Đảng đã nghiên cứu sâu, kỹ các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Trung ương và tình hình thực tiễn địa phương để tham mưu Tỉnh ủy ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động, kế hoạch triển khai trên địa bàn nhằm tham mưu, phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác xây dựng Đảng, nắm bắt và xử lý thông tin, dư luận xã hội phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

- Hàng năm, các cơ quan Đảng có nhận phiếu đăng ký đề xuất nhiệm vụ KH&CN do Sở KH&CN thông báo đến và của Trung ương gửi về để đăng ký các đề tài phục vụ công tác tham mưu cho Tỉnh ủy. Tuy nhiên, số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học của các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy đăng ký tham gia hàng năm có số lượng ít.

3. Đánh giá về trình độ đội ngũ cán bộ tại các ban Đảng có đủ điều kiện tham gia nghiên cứu các đề tài, đề án phục vụ tham mưu cho Tỉnh ủy

- Số cán bộ, công chức có trình độ đại học của các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy (gọi tắt là các ban Đảng) là 116 người (chiếm 66,3% tổng số cán bộ, công chức); trong đó có 37 nữ (chiếm 31,9% tổng số cán bộ, công chức).

- Số cán bộ, công chức có trình độ sau đại học (thạc sỹ) của các ban Đảng là 12 người (chiếm 6,86% tổng số cán bộ, công chức); trong đó có 1 nữ.

- Số lượng cán bộ đã tham gia nghiên cứu các đề tài, đề án tại các ban Đảng là 37/128 người, chiếm tỷ lệ 28,9%.

Nhìn chung, phần lớn đội ngũ cán bộ, công chức của các ban Đảng có trình độ đại học trở lên, có năng lực và có đủ điều kiện tham gia nghiên cứu các đề tài, đề án khoa học phục vụ công tác tham mưu cho Tỉnh ủy.

4. Một số đề tài, đề án nghiên cứu khoa học được thực hiện từ năm 2008 - 2014 phục vụ công tác tham mưu của các cơ quan Đảng

Từ năm 2008 đến năm 2014, các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện được 8 đề tài, đề án khoa học¹, trong đó có 3 đề tài đã nghiệm thu² và được

¹ 5 Đề tài: Biên soạn tài liệu địa lý Bình Thuận phục vụ giảng dạy môn địa lý địa phương cho học sinh lớp 9 THCS và lớp 12 THPT; Chất lượng hệ thống chính trị ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao của tỉnh Bình Thuận, thực trạng và giải pháp; Nhận diện sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng bộ Bình Thuận qua những năm đổi mới và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời gian đến; Xây dựng Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; Công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội của cấp ủy các cấp ở Bình Thuận hiện nay. 3 Đề án “Sổ tay giao tiếp tiếng Việt - Chăm - Cờ Ho dùng trong tỉnh Bình Thuận; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn đến năm 2015 và Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Khối vận toàn tỉnh, giai đoạn 2010 - 2015.

² Biên soạn tài liệu địa lý Bình Thuận phục vụ giảng dạy môn địa lý địa phương cho học sinh lớp 9 THCS và lớp 12 THPT; Chất lượng hệ thống chính trị ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao của tỉnh Bình Thuận, thực trạng và giải pháp; Nhận diện sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng bộ Bình Thuận qua Sổ hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. <http://binhthuancpv.org.vn>

áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả, các đề tài, đề án còn lại đang trong quá trình thực hiện.

Nhìn chung, kết quả của 8 đề tài, đề án này vừa là những tư liệu quý giá trong nghiên cứu, có ý nghĩa ứng dụng trong thực tế; 5 đề tài, đề án đang thực hiện đã hướng vào những vấn đề cấp thiết đang đặt ra, đáp ứng được phần nào yêu cầu của thực tiễn nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu của các cơ quan Đảng. Đặc biệt, một số đề tài tập trung nghiên cứu tổng kết các vấn đề về tổ chức và cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn tỉnh, gắn lý luận với thực tiễn phong phú ở cơ sở.

Tuy nhiên, số lượng đề tài, đề án khoa học còn rất ít so với trình độ, khả năng và điều kiện của đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan Đảng hiện nay.

5. Những giải pháp để tăng cường nghiên cứu các đề tài, đề án khoa học phục vụ công tác tham mưu của các cơ quan Đảng

- Nâng cao nhận thức về vai trò của KH&CN, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu, là nội dung quan trọng trong hoạt động của cơ quan Đảng. Quá trình xây dựng các đề tài, đề án khoa học nghiên cứu trong tham mưu công tác Đảng, phải xuất phát từ yêu cầu, từ tình hình thực tiễn phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, quản lý các đề tài, đề án nghiên cứu công tác Đảng; đảm bảo có năng lực tư vấn, thẩm định bước đầu các đề cương nghiên cứu của đề tài, đề án và các báo cáo kết quả nghiên cứu trước khi tổ chức Hội đồng xét duyệt đề cương cũng như Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả. Công tác xét duyệt, nghiệm thu đề tài, đề án phải bảo đảm chất lượng, nhất là đối với các đề tài, đề án nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phức tạp và nhạy cảm.

- Các cơ quan Đảng tham gia tích cực hơn nữa vào công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, kế cận coi đây là biện pháp quan trọng, hữu hiệu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị; động viên đội ngũ cán bộ, công chức tích cực đầu tư nghiên cứu thực tiễn để đăng ký thực hiện đề tài, đề án khoa học ngày càng nhiều. Đồng thời cần có cơ chế khuyến khích, khen thưởng thích hợp trong hoạt động nghiên cứu khoa học của công tác Đảng.

6. Một số kiến nghị

những năm đổi mới và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời gian đến.

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. <http://binhthuancpv.org.vn>

- Cơ quan chuyên ngành KH&CN của Trung ương cần đi đầu trong đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế nghiên cứu khoa học bao gồm cả trong công tác quản lý, tổ chức, hoạt động, từ việc lựa chọn, thẩm định, xét duyệt, giao đề tài đến việc tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu các kết quả nghiên cứu.

- Sớm hướng dẫn thi hành Luật KH&CN (sửa đổi năm 2013), ban hành các cơ chế, chính sách (nhất là về kinh phí, thủ tục hành chính....) phù hợp với công tác nghiên cứu khoa học phục vụ tham mưu công tác Đảng hiện nay./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng; } (để báo cáo)
- Ban Tuyên giáo Trung ương; }
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Mạnh Hùng